

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM

NIÊN GIÁM THỐNG KÊ

1. THÔNG TIN

Tên trường:	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm
Cơ quan chủ quản:	Ủy ban nhân dân quận Long Biên
Thành phố	Hà Nội
Quận	Long Biên
Phường	Việt Hưng
Điện thoại cơ quan	032.013.882
Website	https://thnguyenbinhkiem.longbien.edu.vn
Fanpage	https://www.facebook.com/thnguyenbinhkiem/
Địa chỉ Mail	c1nguyenbinhkiem@longbien.edu.vn
Năm thành lập trường	12/5/2023
Loại hình	Công lập

2. SỐ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Năm học	2023- 2024	2024 - 2025
Tổng số	30	36

3. SỐ LIỆU TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
(Số liệu tại thời điểm thống kê: Tháng 9 năm 2024)

Thành phần	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo			Số HT BDTX năm học 23-24
			Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	01
Phó hiệu trưởng	01	01	0	01	0	01
Giáo viên	29	29	0	29	0	29
Nhân viên	5	04	0	5	0	
Tổng	36	35	03	35	01	31

4. SỐ HỌC SINH / SỐ LỚP

Khối lớp	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
Lớp 1	168 HS/6 lớp	186 HS/5 lớp
Lớp 2	120 HS/3 lớp	164 HS/5 lớp
Lớp 3	120 HS/5 lớp	122 HS/3 lớp
Lớp 4	125 HS/4 lớp	133 HS/3 lớp
Lớp 5	101 HS/4 lớp	133 HS/3 lớp
Cộng	634 HS/17 lớp	738 HS/19 lớp

5. CƠ CẤU KHỐI CÔNG TRÌNH CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tên khối công trình	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1. Khối phòng Hành chính quản trị	12	12
Hiệu trưởng	01	01
Phó Hiệu trưởng	01	01
Văn phòng – Tài vụ	02	02
Phòng Đảng, đoàn thể	01	01
Bảo vệ	01	01
Khu để xe GV	01	01
Khu VS GV, CB, NV	04	04
2. Khối phòng học tập	33	33

Phòng học	25	25
Âm nhạc	02	02
Mĩ thuật	01	01
Khoa học - Công nghệ	01	01
Tin học	01	01
Tiếng Anh	02	02
P. Đa năng	01	01
3. Khối phòng hỗ trợ học tập	05	05
Thư viện	01	01
P. Thiết bị giáo dục	01	01
P. Tư vấn học đường và hỗ trợ GD HS khuyết tật học hòa nhập	01	01
P. Đội thiếu niên	01	01
P. Truyền thông	01	01
4. Khối phụ trợ	03	03
Phòng họp	01	01
Phòng nghỉ GV	01	01
P. y tế trường học	01	01
Nhà kho	02	02
Khu để xe HS	01	01
Khu VS HS	8	8
Cổng, hàng rào	x	x
5. Khu vui chơi, TDTT		

Nhà đa năng (Nhà thể chất)	01	01
Sân chung	x	x
Sân TDTT	x	x
6. Khu phục vụ sinh hoạt	04	04
Nhà bếp	1	1
Kho bếp	2	2
Nhà ăn	1	1
7. Hạ tầng kỹ thuật		
Hệ thống cấp nước sạch	x	x
Hệ thống cấp điện	x	x
Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	x	x
Hạ tầng CNTT, liên lạc	x	x
Khu thu gom rác thải	x	x
Tổng số phòng	53	53

* 100% các phòng ban, lớp học đảm bảo diện tích theo quy định tại Thông tư số 13/2020 Thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

* Trường có diện tích 7.224m², tổng diện tích sàn sử dụng và sân chơi là 9.196m². Năm học 2024-2025, trường có 738 HS, bình quân 12,4 m²/học sinh. Tổng diện tích sân chơi, bãi tập là 4.040m² chiếm 55,9% tổng diện tích toàn trường. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều 11, 12 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT

6. SỐ LIỆU TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

(Số liệu tại thời điểm thống kê: Tháng 9 năm 2024)

TT	Tên thiết bị	Số lượng (Bộ/Chiếc)
1	Máy tính phục vụ CBGVNV	26
2	Máy tính phục vụ HS	35
3	Máy chiếu Projector + điều khiển	2
4	Màn hình tương tác thông minh	0
5	Bảng tương tác + máy chiếu	02
6	Hệ thống âm thanh giảng dạy	25
7	Ti vi 75 inch	15
8	Máy in	07
9	Máy scan	0
10	Bộ tai nghe và micro	35
11	Webcam chiếu bài HS	15

7. SỐ LIỆU SÁCH GIÁO KHOA, ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

(Số liệu tại thời điểm thống kê: Tháng 9 năm 2024)

Lớp	Sách giáo khoa		Đồ dùng học tập theo CT GDPT 2018 (Bộ/HS)
	Tên bộ sách	Số lượng bộ/HS	
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	01	01
2		01	01
3		01	01
4		01	01
5		01	01